TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2021/DS-PT Ngày: 21 - 01 - 2021 V/v tranh chấp "Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 21 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 580/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Trung Nghĩa, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: số 51/1 đường 30 tháng 4, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị Xem - Công ty luật hợp danh liên đoàn - Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt);

- *Bị đơn:*

1. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn Ng: Luật sư Lê Thành Được - Chi nhánh văn phòng luật sư Bình Nguyên - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3. **Nguyễn Thị Mỹ H1**, sinh năm 1977 (vắng mặt);

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1951 (vắng mặt);

2. **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3. **Nguyễn Công L**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

4. **Nguyễn Công L1**, sinh năm: 1977 (vắng mặt);

5. **Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm: 1981 (vắng mặt);

6. **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

7. **Nguyễn Thị Mộng T1**, sinh năm 1985 (đã chết);

6. **Nguyễn Thị Mộng Th1**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

9. **Nguyễn Thanh L2**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

10. **Nguyễn Thị Ngọc Th2**, sinh năm 2008;

11. **Ngô Ngọc T2**, sinh năm 2006;

Th2 và T2 (là con của Nguyễn Thị Mộng T1). Đại diện theo pháp luật của Th2 và T2 là bà Nguyễn Thị H (có mặt);

Cùng địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th và Nguyễn Thành D: Luật sư Trương Thị Xem - Công ty luật hợp danh liên đoàn - Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt);

12. **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1972 (có mặt);

13. **Nguyễn Thị Thanh Tr**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

14. **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm 2001 (vắng mặt);

15. **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 2006 (vắng mặt);

16. **Nguyễn Thanh Nh**, sinh năm 2007 (vắng mặt);

17. **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 2012 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh Nh là chị Nguyễn Thị Ngọc B (có mặt);

18. **Nguyễn Thị Mỹ L2**, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

19. **Huỳnh Ngọc Kim C**, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D;

2. Bị đơn Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cha, mẹ của bà Nguyễn Thị H là cụ Nguyễn Văn Hoa sinh năm 1925 đã chết năm 2003 và cụ Lưu Thị Tư sinh năm 1924 đã chết năm 2018. Cụ Hoa và cụ Tư có 03 con chung gồm: Nguyễn Văn Thành đã chết khi còn nhỏ không có vợ con, Nguyễn Văn Thanh sinh năm 1942 đã chết năm 2017 và bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn trong vụ án).

Khi còn sống, cụ Hoa và cụ Tư đã tạo lập được tài sản chung là một sở đất ruộng mua của ông Tư Nhiêu ở Mỹ Tho, sau đó lên bờ lập thành thổ cư chia làm hai phần gồm: Phần thứ nhất, cụ Hoa và cụ Tư đã chia cho ông Nguyễn Văn Thanh dãy nhà căn, diện tích khoảng 500 m^2 phía bên kia lộ đối diện với phần đất tranh chấp. Sau đó, ông Thanh đã bán hết và không còn chổ ở. Vì thương ông Thanh và các cháu nên Bà H đã xin cụ Tư cho ông Thanh về ở đậu trên phần đất tại địa chỉ số đường L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Phần đất thứ hai có diện tích 298,7 m^2 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số đường L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất số 105, cụ Hoa và cụ Tư đã xây nhà 02 căn từ trước năm 1975. Phần đất này, cụ Hoa và cụ Tư để lại cho Bà H nhưng không có làm giấy tờ, vì Bà H là con út, sống chung với mẹ từ nhỏ, phần của ông Thanh đã chia rồi.

Trong quá trình sử dụng đất, cụ Tư đã đại diện hộ đứng tên kê khai và được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 02781 ngày 30/9/2004. Trong hộ của cụ Tư có các thành viên gồm: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D.

Cụ Hoa và cụ Tư chết không có để lại di chúc. Trên đất có ngôi nhà liền kề nhau: số 33/4 do cụ Tư xây từ trước năm 1975 và ngôi nhà số 33/4B do vợ chồng Bà H xây vào năm 2008. Ngôi nhà do cụ Tư xây diện tích khoảng 242 m^2. Hiện nay, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Thị Mỹ A đang quản lý ngôi nhà này. Nhà do cụ Tư xây dựng có kết cấu: Vách tường chưa tô, nền

lát gạch bông, mái tole. Nhà do vợ chồng Bà H xây vào năm 2008 có diện tích khoảng 56 m^2 và do các thành viên trong hộ của Bà H quản lý sử dụng.

Ông Nguyễn Văn Thanh đã chết vào ngày 16/02/2017, ông Thanh có 04 người con gồm: Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A và Nguyễn Văn T. Do nội bộ gia đình không thỏa thuận được nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu gồm:

Chia tài sản chung của hộ Lưu Thị Tư là quyền sử dụng phần đất có diện tích 298,7 m^2, thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số đường L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và ngôi nhà 02 gian xây trên đất. Cụ thể, Bà H yêu cầu chia quyền sử dụng phần đất có diện tích 298,7 m^2, thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số đường L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang làm 08 phần cho 08 thành viên trong hộ gồm: Lưu Thị Tư, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D mỗi người nhận 37,3375 m^2. Bà H đại diện các thành viên trong hộ nhận 37,33 m^2 x 7 bằng 261 m^2. Phần của cụ Tư là 37,7 m^2.

Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tư là phần đất có diện tích 37,7 m^2 làm 02 phần cho Bà H và ông Thanh. Bà H yêu cầu được nhận 18 m^2 và những người thừa kế thế vị của ông Thanh nhận 19,7 m^2 và ½ giá trị căn nhà do cha mẹ Bà H xây cất.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 5/8/2019, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, Bà H yêu cầu chia tài sản chung và sau đó mới chia thừa kế phần của cụ Tư theo quy định pháp luật. Bà H yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo diện tích đo đạc thực tế là 278,4 m^2 thuộc số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Cụ Hoa không có người vợ nào khác ngoài cụ Tư. Cụ Hoa và cụ Tư chỉ có 02 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn Thanh sinh năm 1942 đã chết năm 2017 và Bà H. Cụ Hoa và cụ Tư đều không có người con nào khác.

Đối với ngôi nhà tại số 33/4 do cụ Tư và Bà H cùng đóng góp xây dựng từ trước năm 1975, được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vào năm 1990, diện tích 70 m^2. Nhà đã được sửa chữa nhiều lần có sự đóng góp của Bà H. Nhà làm bằng bê tông cốt thép, vách tường, mái tole như hiện nay. Bà H giao cho các con của ông Thanh phần đất mà anh Ng và chị Hạnh đang sử dụng gồm T1, T2, T3, T4, T5 và ½ diện tích T6 (theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/6/2019). Bà H yêu cầu các con của ông Thanh phải thanh toán cho Bà H giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch được hưởng theo quy định pháp luật.

Đối với ngôi nhà của cụ Tư, Bà H yêu cầu chia ra làm 02 phần, một phần để cho anh chị Hạnh sử dụng, ½ giáp nhà Bà H để lại làm nơi thờ cúng. Bà H không yêu cầu chia nhà của cụ Tư nhưng chị Hạnh phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất phần thừa. Mái che T7 là do cụ Tư làm, không phải của chị Hạnh. Bà H không trả giá trị cho chị Hạnh.

Tại "TỜ GIẢI TRÌNH SỰ VIỆC" ngày 31/01/2020, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà yêu cầu chia tài sản chung

trước sau đó mới yêu cầu chia thừa kế phần của cụ Tư để lại theo quy định pháp luật theo diện tích đo đạc thực tế là 278,9 m^2 tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tại biên hòa giải ngày 24/10/2019, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 278,9 m^2 tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là do Bà H và cụ Tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác. Quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lưu Thị Tư vào ngày 30/9/2004. Vào năm 1992, gia đình Bà H đã xây nhà trên quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Tư. Đến năm 2008, bà sữa chữa nhà thành nhà kiên cố. Bà H yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích thực đo là 278,9 m^2 làm 09 phần cho các thành viên trong hộ gồm: Lưu Thị Tư, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D và Nguyễn Thành L. Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ Tư. Bà H yêu cầu nhận một kỷ phần thừa kế của cụ Tư, phần còn lại Bà H giao cho những người thừa kế thế vị của ông Thanh. Phần đất còn lại, Bà H đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H tự nguyện giao cho các con của ông Thanh phần đất T1, T2, T3, T4, T5 và ½ diện tích T6 (theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/6/2019). Bà H yêu cầu các con của ông Thanh phải trả lại giá trị chênh lệch cho Bà H.

Bà H không yêu cầu chia ½ giá trị nhà của cụ Tư. Đối với ngôi nhà chị Hạnh đang sử dụng, Bà H yêu cầu để lại cho chị Hạnh sử dụng ½ ngôi nhà, ½ ngôi nhà còn lại Bà H yêu cầu được sở hữu. Riêng mái che trước nhà do chị Hạnh sử dụng là do cụ Tư làm nên Bà H không đồng ý hoàn lại giá trị. Ngôi nhà hiện nay chị Hạnh, chị Mỹ A và anh Tuấn sử dụng do cụ Tư xây nhà 02 căn vào năm 1969. Chị Hạnh, chị Mỹ A và anh Tuấn có sửa chữa ½ ngôi nhà. Phần ngôi nhà còn lại giáp với nhà Bà H đang sử dụng vẫn còn nguyên hiện trạng do cụ Tư xây dựng.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2020, đại diện ủy quyền của Bà H trình bày: Bà H yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 278,9 m^2 tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này do Bà H và cụ Tư cùng nhận chuyển nhượng của người khác. Bà H yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích thực đo là 278,9 m^2 làm 09 phần cho các thành viên trong hộ gồm: Lưu Thị Tư, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D và Nguyễn Thành L. Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ Tư. Bà H yêu cầu nhận một kỷ phần thừa kế của cụ Tư, phần còn lại Bà H giao cho những người thừa kế thế vị của ông Thanh. Bà H xin rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với ngôi nhà mà hiện nay chị Mỹ H1, chị Mỹ A và anh Tuấn đang quản lý, sử dụng. Bà H tự nguyện giao cho các con của ông Thanh các phần đất gồm T1, T2, T3, T4, T5 và ½ diện tích T6 (theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/6/2019). Bà H yêu cầu các con của ông Thanh phải trả lại giá trị chênh lệch cho Bà H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Mỹ H1, chị Nguyễn Thị Mỹ

A và anh Nguyễn Văn T cùng trình bày:

Ông bà nội của các anh chị là cụ Nguyễn Văn Hoa sinh năm 1925 đã chết năm 2003 và cụ Lưu Thị Tư sinh năm 1924 đã chết năm 2018. Ông bà nội các anh chị có 02 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh sinh năm 1947 và đã chết năm 2017. Ông Nguyễn Văn Thanh có 04 người con gồm: Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Văn T.

Năm 1965, ông bà nội của các anh chị đã sử dụng hợp pháp căn nhà bán kiên cố có chiều ngang 7m x chiều dài 10 m = 70 m^2, nhà có kết xây dựng: Nền gạch bông, vách tường, cột gỗ, mái tole, tại địa chỉ: Số 33/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nhà được Sở xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa ngày 21/11/1990. Căn nhà xây trên phần diện tích 298,7 m^2 đất ở đô thị, thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ số 33/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Quyền sử dụng đất do cụ Lưu Thị Tư đứng tên đăng ký kê khai, sử dụng đất (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Khi cụ Hoa và cụ Tư còn sống đã phân chia quyền sử dụng đất cho các con là ông Nguyễn Văn Thanh và bà Nguyễn Thị H, mỗi người được nhận một phần đất cụ thể như sau: Bà H được nhận ½ giá trị tài sản (bằng tiền). Lúc này, Bà H lấy tiền về Bến Tre mua đất, cất nhà làm ăn sinh sống. Ông Thanh được cụ Hoa và cụ Tư cho toàn bộ nhà và đất nêu trên. Đồng thời, ông Thanh có nghĩa vụ nuôi dưỡng cụ Hoa và cụ Tư đến hết đời. Đến năm 1998, Bà H làm ăn thất bại nên bán hết tài sản nhà và đất ở Bến Tre trở về hỏi ông Thanh cho cất nhà trên phần đất có diện tích 298,7 m^2 nêu trên cho đến nay. Do cụ Hoa và cụ Tư đã cho ông Thanh toàn quyền sử dụng nhà và đất nên Bà H xây nhà trên đất do ông Thanh quyết định.

Đến năm 2012, ông Thanh đã tháo dỡ toàn bộ căn nhà của cụ Hoa và cụ Tư xây cất trước đây để xây lại thành ngôi nhà mới như hiện nay. Sau khi ông Thanh chết, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Văn T đã ở ngôi nhà trên để thờ cúng ông bà. Ông Nguyễn Văn Ng xây nhà ở riêng cũng tại phần đất đang tranh chấp từ năm 2012 cho đến nay. Các anh chị đã sống cùng cụ Hoa, cụ Tư và ông Thanh tại căn nhà và diện tích đất nêu trên từ nhỏ cho đến nay.

Các anh chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình đối với phần đất có diện tích là 298,7 m^2 thuộc số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho 08 kỷ phần bằng nhau, đồng thời chia thừa kế đối với kỷ phần của cụ Tư làm hai phần cho Bà H và ông Thanh và chia ½ giá trị căn nhà tại đường L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho mỗi người được nhận một nửa.

Các anh chị cho rằng yêu cầu khởi kiện của Bà H là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần tài sản của cụ Hoa và cụ Tư đã được định đoạt lúc còn sống. Bà H đã được nhận ½ tài sản bằng tiền. Đối với nhà và đất nêu trên không phải là tài sản chung của hộ gia đình do các thành viên của hộ gia đình không có công sức

đóng góp, tạo lập nên. Cụ Hoa và cụ Tư đã định đoạt phân chia tài sản khi còn sống nên sau khi cụ Hoa và cụ Tư chết không còn tài sản nên không có di sản thừa kế.

Tại đơn phản tố và bản tự khai ngày 01/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Mỹ H1, chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn T cùng trình bày:

Các anh chị yêu cầu giữ nguyên hiện trạng phần đất do bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Văn T như sau: Bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng phần diện tích 58,3 m^2 và Bà H đã xây dựng một căn nhà bán kiên cố. Nguyễn Văn Ng đang quản lý sử dụng phần diện tích 58,4 m^2 và anh Ng đã xây dựng một ngôi nhà bán kiên cố. Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A và Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng phần đất có diện tích 161,7 m^2 và đã xây một ngôi nhà bán kiên cố và mái che.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2019, chị Nguyễn Thị Ngọc B đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Văn Ng đã trình bày: Đối với căn nhà do Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A và Nguyễn Văn T đang quản lý sử là ông Nguyễn Văn Thanh vay vốn của Liên đoàn lao động tỉnh Tiền Giang xây dựng. Ông Thanh đã vay vốn hai lần để dựng lại toàn bộ ngôi nhà trên. Bà H cho rằng, ngôi nhà trên có một phần do cụ Tư xây dựng là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Ch trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị H. Hiện nay, anh đang sinh sống ở địa chỉ số L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Bà H. Anh không có ý kiến gì khác

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành L trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị H. Hiện nay, anh đang sinh sống ở địa chỉ số L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Bà H. Anh không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công L trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị H. Hiện nay, anh đang sinh sống ở địa chỉ số L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Bà H. Anh không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ lien quan Nguyễn Thanh Duy trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị H. Hiện nay, anh đang sinh sống ở địa chỉ số L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Bà H. Anh không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc Hà trình bày:

Chị là con của Nguyễn Thị Mỹ H1. Chị đồng ý với yêu cầu của mẹ chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Thanh Tr thống nhất trình bày:

Chị là con của ông Nguyễn Văn Ng. Chị đồng ý với lời khai của cha mẹ chị.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 2 khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 212 Điều 611, Điều 623 Điều 612, Điều 650, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

- Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia ngôi nhà mà hiện nay chị Mỹ H1, Mỹ A và anh Tuấn đang quản lý sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia di sản của cụ Lưu Thị Tư.

Phần thừa kế quyền sử dụng đất chia cho Bà H gồm: Phần đất có ký hiệu T-11 và phần đất có kí hiệu T-4, T-5, T-6 và T-7 với diện tích là 58,3 + 24,0 +22,8+11,1+14,2 bằng 130,4 m^2 Theo biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/6/219 bút lục số 123. Trên phần đất có kí hiệu T-11 có ngôi nhà của gia đình Bà H. Có sơ đồ đất kèm theo.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho chị Mỹ H1, chị Mỹ A và anh Tuấn giá trị của mái che được xây trên phần đất có kí hiệu T- 5 là 1.675.800 đồng. Bà H được sở hữu mái che trên.

Phần thừa kế quyền sử dụng đất chia cho Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Văn T gồm: T-1, T-2, T-3 và phần đất có kí hiệu T-8, T-9 và T-10 với diện tích là 148 m^2 (bút lục số 123). Trên phần đất có kí hiệu T-1 và T-2 có mái hiên và nhà của ông Nghĩa; Trên phần đất có kí hiệu T-3, T-4 và T-10 có mái hiên và nhà của chị Mỹ H1, chị Mỹ A và anh Tuấn sử dụng. Có sơ đồ đất kèm theo.

Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch so với phần đất mà Bà H được nhận là 17,6 m^2 x 3.675.000 đồng/m^2 bằng 64.680.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.047.285 đồng (sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0013813 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 23.536.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 02 tháng 7 năm 2020, Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Công L1, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thành D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm "*Chia ngôi nhà số 33/4 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho Nguyễn Thị H sử dụng, Nguyễn Thị H trả lại giá trị nhà cho người thừa kế thế vị (con của ông Thanh)*".

* Ngày 13 tháng 7 năm 2020, Bị đơn: Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm không cấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận cha bà là ông Nguyễn Văn Hoa trước khi chết ngoài người vợ là cụ Lưu Thị Tư, ông còn một người vợ khác tên Phạm Thị Đầm và có con với bà Đầm theo bà biết là 02 người con tên Hóa và và tên Nhứt.

- Đại diện theo ủy quyền anh Trần Trung Nghĩa, tiếp tục giữa nguyên yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu kháng cáo phần chi phí tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, đề nghị hội đồng xét xử xem xét phân chia vị trí đất cho hợp lý phù hợp với điều kiện sử dụng của các bên vì theo phân chia của tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với hiện trạng sử dụng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: phát biểu xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp 02 giấy khai sinh con của cụ Hoa, nếu là con của cụ Hoa thì thuộc hàng thừa kế thứ nhất, việc xét xử sơ thẩm chưa đưa vào tham gia tố tụng là có thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Ng (đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Ngọc B) tại phiên tòa phúc thẩm chị Ngọc cung cấp 01 giấy khai sinh số 84. Quyển số 01/91 UBND Phường 6 cấp ngày 01/3/1991 (bản sao) mang tên Phạm Văn Nhứt, tên cha là ông Nguyễn Văn Hoa, mẹ tên Phạm Thị Đầm; 01 giấy trích lục khai sinh số: 08/TLKS-BS ngày 20/01/2020 tên Phạm Văn Hóa tên cha là ông Nguyễn Văn Hoa, mẹ tên Phạm Thị Đầm. Chị B trình bày đây là 02 người con của ông Hoa với bà Đầm tại cấp sơ thẩm đương sự chưa cung cấp.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: phát biểu việc bị đơn cung cấp tài liệu mới là 02 giấy khai sinh của con ông Hoa là tình tiết mới và đây cũng thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoa, cụ Tư, mà Tòa án cấp sơ

thẩm chưa xem xét để giải quyết vụ án trqanh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung là có thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Mộng Th1, không có ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào diễn biến phiên tòa, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và giấy khai sinh bị đơn cung cấp cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót như: chưa xem xét việc chị Nguyễn Thị Mộng T1 đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật với diện tích 37,7 m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chia vượt quá yêu cầu của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; chưa làm rõ Bà H là con dâu hay con ruột của cụ Hoa, cụ Tư vì sổ hộ khẩu thể hiện bà Nguyễn Thị H là con dâu; chưa xem xét công sức nuôi dưỡng cụ Tư, cụ Hoa khi tuổi già sức yếu cho đến khi chết; công sức người quản lý tài sản từ khi cụ Hoa, cụ Tư chết; bị đơn có đơn xin miễn án phí nhưng cấp sơ thẩm nhận định không có là chưa đúng với tài liệu thể hiện. Vì các thiếu sót nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M xét xử lại sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Qua lời trình bày, tranh luận của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu của bị đơn cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3] Căn cứ vào hai giấy khai sinh do bị đơn cung cấp cho thấy khi cụ Hoa còn sống cụ Hoa còn 02 người con với cụ Đầm, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận như giấy khai sinh mà bị đơn cung cấp gồm: ông Phạm Văn Nhứt và ông Phạm Văn Hóa, ông Hoa, bà Tư chết không để lại di chúc nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do các đương sự không cung cấp tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nên chưa đưa ông Nhứt, ông Hóa tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là có thiếu sót. Tuy nhiên, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên xét thấy là lỗi khách quan của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[4] Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn một số thiếu sót như:

- Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật với diện tích đất 37,7 m^2 di sản thừa kế của cụ Tư trong tổng diện tích đất mà cụ Hoa, cụ Tư chết để lại, nhưng cấp sơ thẩm đã chia vượt quá yêu cầu của nguyên đơn đối với diện tích đất 298,7 m^2 (đo thực tế 278,4 m^2) là vi phạm Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

- Theo sổ hộ khẩu (BL06) thể hiện ông Nguyễn Văn H2 là con đẻ, bà Nguyễn Thị H là vợ của Hồng như vậy Bà H là con dâu hay con ruột của cụ Tư cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ;

- Tại giai đoạn thụ lý sơ thẩm bị đơn có đơn phản tố và xin miễn giảm án phí (BL từ 74 đến 78) với nội dung: "Giữ nguyên hiện trạng phần đất do bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Văn T đang xây dựng nhà ở trên thửa đất số 105, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại 33/4/LTHG, tổ 5, KP11, P6, TPMT; Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng phần diện tích 58,3m^2 trên đất Bà H có xây dựng 01 căn nhà bán kiên cố; Nguyễn Văn Ng đang quản lý sử dụng phần diện tích 58.4m^2 hiện trên đất ông Nghĩa có xây dựng 01 căn nhà bán kiên cố; Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng phần diện tích 161,7m^2 hiện trên đất có xây dựng một căn nhà bán kiên cố và mái che có diện tích 137,7m^2; Xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo". Trong hồ sơ thể hiện bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí của anh Ng (BL75), nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định anh Ng không có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên hội đồng xét xử không xem xét là chưa đúng với thực tế tài liệu thể hiện trong hồ sơ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu phản tố;

- Khi giải quyết việc chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ về công sức nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Hoa, cụ Tư khi tuổi già cho đến khi qua đời..., người có công sức bảo quản, giữ gìn di sản để đảm bảo giải quyết vụ án một cách toàn diện;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng T1 chết ngày 09/3/2009 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đưa người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Tuyền vào tham gia tố tụng.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và có phát sinh tình tiết mới mà cấp phúc thẩm không khắc phục được, cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm. Do bản án bị hủy để xét xử lại sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét giải quyết đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm, đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sư năm 2015;

Hủy bản án sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm; nghĩa vụ nộp án phí được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn Ch, anh Nguyễn Công L1, anh Nguyễn Công L, chị Nguyễn Thị Thanh Th, anh Nguyễn Thành D mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số: 0001735, 0001729, 0001731, 0001730, 0001733, 0001732, 0001734 cùng ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ H1, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Mỹ A mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số: 0001761, 0001760, 0001759, 0001762 cùng ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên án vào lúc 14 giờ ngày 21 tháng 01 năm 2021, có mặt bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2020-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp